

HỘI THỨ 15  
PHẦN TỈNH LỰ BA-LA-MẬT-ĐA

01

Tôi nghe như vậy:

Một thuở đức Bạc-già-phạm cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Bí-sô trú trong núi Thấu Phong, tại thành Vương Xá.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm cách nào để an trụ vào tỉnh lự Ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

- Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát nào muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trước nên vào sơ tỉnh lự. Đã vào sơ tỉnh lự như vậy rồi, nên nghĩ như vậy: Ta từ sanh tử vô thi đến nay luôn luôn nhập tỉnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tỉnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa tất cả công đức.

Kế đến nên nhập tỉnh lự thứ hai. Đã vào tỉnh lự thứ hai như vậy rồi, nên nghĩ như vậy: Ta từ sanh tử vô thi đến nay luôn luôn nhập tỉnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tỉnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa tất cả công đức.

Kế đến nên nhập tỉnh lự thứ ba. Đã vào tỉnh lự thứ ba như vậy rồi, nên nghĩ như vậy: Ta từ sanh tử vô thi đến nay luôn luôn nhập tỉnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tỉnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa tất cả công đức.

Kế đến nên nhập tỉnh lự thứ tư. Đã vào tỉnh lự thứ tư như vậy rồi, nên nghĩ như vậy: Ta từ sanh tử vô thi đến nay luôn luôn nhập tỉnh lự như thế, làm việc nên làm, thân tâm vắng lặng, nên ta có ơn đối với tỉnh lự này. Nay lại làm việc nên làm, đây là chỗ nương tựa tất cả công đức.

Đã nhập bốn tỉnh lự như thế rồi, Đại Bồ-tát lại nên suy nghĩ: Bốn tỉnh lự này đối với chúng Đại Bồ-tát có ơn đức lớn, và cũng là nơi nương tựa cho chúng Đại Bồ-tát. Nghĩa là khi sắp đắc quả vị Vô

thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chúng Đại Bồ-tát đều lần lượt nhập bốn tĩnh lự này. Đã nhập bốn tĩnh lự như vậy rồi, nương vào tĩnh lự thứ tư phát ra năm thần thông, chiến thắng ma quân, thành Vô thượng giác.

Đại Bồ-tát này nghĩ như vậy: Xưa kia, chúng Đại Bồ-tát đều tu tập tĩnh lự Ba-la-mật-đa, ta cũng nên tu. Xưa kia, chúng Đại Bồ-tát đều học tĩnh lự Ba-la-mật-đa, ta cũng nên học. Xưa kia, chúng Đại Bồ-tát đều nương tĩnh lự Ba-la-mật-đa, theo ý thích phát ra Bát-nhã ba-la-mật-đa, ta cũng nên nương tĩnh lự Ba-la-mật-đa như thế, theo ý thích phát ra Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Tất cả chúng Đại Bồ-tát đều nương tĩnh lự thứ tư, phương tiện hướng đến Chánh tánh ly sanh, chúng ngộ chơn như, xả tánh phàm phu. Tất cả chúng Đại Bồ-tát đều nương vào tĩnh lự thứ tư, phương tiện phát ra định Kim cương dụ, trừ sạch các lậu hoặc, chứng trí Như Lai.

Thế nên phải biết tĩnh lự thứ tư có ơn đức lớn đối với chúng Đại Bồ-tát, hay làm cho chúng Đại Bồ-tát ban đầu nhập vào Chánh tánh ly sanh, chúng nhập chơn như, xả tánh phàm phu, cuối cùng chúng đắc sự mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Do đó, chúng Đại Bồ-tát luôn nhập vào tĩnh lự thứ tư.

Như vậy, tuy đang nhập bốn tĩnh lự này nhưng chúng Đại Bồ-tát không đắm trước vào sự an vui của bốn tĩnh lự, cho đến những nơi tốt đẹp thù thắng của quả Đăng lưu.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Tất cả chúng Đại Bồ-tát an trụ vào bốn thứ tĩnh lự như thế, làm phương tiện thù thắng dẫn dắt đến các công đức. Như vậy, chúng Đại Bồ-tát nương vào tĩnh lự thứ tư sanh tưởng Không vô biên xứ, dẫn đến định Không vô biên xứ. Như vậy, chúng Đại Bồ-tát nương vào định Không vô biên xứ, sanh tưởng Thức vô biên xứ, dẫn đến định Thức vô biên xứ.

Như vậy, chúng Đại Bồ-tát nương vào định Thức vô biên xứ, sanh tưởng Vô sở hữu xứ, dẫn đến định Vô sở hữu xứ.

Như vậy, chúng Đại Bồ-tát nương vào định Vô sở hữu xứ, sanh tưởng Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, dẫn đến định Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Tuy đang nhập bốn định vô sắc nhưng chúng Đại Bồ-tát không đắm nhiễm vào bốn định vô sắc, cho đến sanh nơi tốt đẹp thù thắng của định này.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát vì quán nghĩa nào mà hiện nhập định Diệt thọ tưởng nhưng lại không nhập?

Phật dạy:

- Xá-lợi Tử! Vì các Đại Bồ-tát sợ rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác nên không nhập vào định Diệt thọ tưởng. Rồi đắm nhiễm vào sự an vui vắng lặng của định này, liền vui mừng chứng nhập quả A-la-hán hay quả Độc giác, vào Bát Niết-bàn.

Các Đại Bồ-tát quán sự việc như vậy, nên tuy hiện nhập định Diệt thọ tưởng nhưng lại không hiện nhập.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có thay! Các Đại Bồ-tát hay làm việc khó làm, nghĩa là dù đang nhập các định như vậy nhưng không đắm trước vào các định. Dù đang nhập các định hay sanh công dụng thù thắng nhưng lại không lìa nhiễm.

Phật dạy:

- Nay Xá-lợi Tử! Đúng vậy, đúng như lời thầy nói. Thật hiếm có! Các Đại Bồ-tát hay làm việc khó làm.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Thật hiếm có thay! Các Đại Bồ-tát, nghĩa là dù đang nhập vào bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui nhưng lại không đắm trước, cũng không lìa nhiễm. Nay Ta nói tóm lược bằng ví dụ cho thầy được hiểu trọn vẹn nghĩa này.

Như có người sanh ở châu Thiệm-bộ này, tuy đối với cõi Dục chưa được lìa nhiễm, nhưng được qua châu Bắc Câu-lô, nhân thấy người nữ châu kia không bị ràng thuộc, dung mạo đoan chính, đạo chơi tự tại. Lại thấy châu kia y phục và vật trang sức xinh đẹp trang nghiêm đều từ cây sanh ra. Lại thấy châu kia có gạo thơm mùi vị ngon ngọt, không phải trồng trọt mà tự mọc lên.

Lại còn thấy châu kia, chạm vào chỗ nào cũng có các loại ngọc báu rất xinh đẹp và người ở châu đó tùy ý thọ dụng các vật dụng như thế một cách tự do, khi đang thọ dụng không chút đắm nhiễm, đã thọ dụng rồi liền vứt bỏ mà không luyến tiếc. Người ở châu Thiệm-bộ ấy tuy chưa lìa nhiễm, nhưng khi thấy đầy đủ các sự việc tốt đẹp kia vẫn không tham đắm, mà vứt bỏ quay về. Nên biết người này rất hiếm có.

Như vậy, dù đang nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, đã thấy trong ấy phát sanh các công đức thù thắng vắng lặng, vi diệu nhưng các Đại Bồ-tát không đắm trước mà còn trở lại cõi Dục, dùng phương tiện thiện xảo nương thân cõi Dục, siêng năng tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Siêng năng tinh tấn tu học quán pháp nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, tán Không, vô

biến dị Không, bản tính Không, tự tướng Không, cộng tướng Không, nhất thiết pháp Không, bất khả đắc Không, vô tính Không, tự tính Không, vô tính tự tính Không.

Siêng năng tinh tấn tu học quán các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì.

Siêng năng tinh tấn tu học quán vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Siêng năng tinh tấn tu học quán vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão tử diệt.

Siêng năng tinh tấn tu học quán Thánh đế khổ: Hoặc khổ, hoặc vô thường, hoặc Không, hoặc vô ngã. Siêng năng tinh tấn tu học quán Thánh đế tập: Hoặc nhân, hoặc tập, hoặc sanh, hoặc duyên.

Siêng năng tinh tấn tu học quán Thánh đế diệt: Hoặc diệt, hoặc tịnh, hoặc diệu, hoặc ly. Siêng năng tinh tấn tu học quán Thánh đế đạo: Hoặc đạo, hoặc như, hoặc hành, hoặc xuất.

Siêng năng tinh tấn tu học quán bốn vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Siêng năng tinh tấn tu học bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo. Siêng năng tinh tấn tu học tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ lớp, mười biến xứ. Siêng năng tinh tấn tu học pháp môn giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện.

Siêng năng tinh tấn tu học trí Tịnh quán địa, Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, Như Lai địa. Siêng năng tinh tấn tu học Cự hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cự nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiên tuệ địa, Pháp vân địa.

Siêng năng tinh tấn tu học pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa. Siêng năng tinh tấn tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông. Siêng năng tinh tấn tu học mười lực Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt. Siêng năng tinh tấn tu học đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Siêng năng tinh tấn tu học ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp. Siêng năng tinh tấn tu học

pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Siêng năng tinh tấn tu học trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng.

Siêng năng tinh tấn tu học các trí thiện xảo phân biệt quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề. Siêng năng tinh tấn tu học tất cả hạnh Đại Bồ-tát. Siêng năng tinh tấn tu học quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật, cũng khuyên hữu tình tu các pháp lành. Những việc như thế rất là hiếm có.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hứa cho các Đại Bồ-tát bỏ bậc thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém cõi Dục?

Phật bảo Xá-lợi Tử!

- Nay Xá-lợi Tử! Pháp của chư Phật là vậy, không cho chúng Đại Bồ-tát sanh trời Trường thọ. Vì sao? Nay Xá-lợi Tử! Không cho chúng Đại Bồ-tát sanh trời Trường thọ, vì ở đó họ xa lìa việc tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô biên các pháp phần Bồ-đề khác. Do đây, chậm chúng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã mong cầu. Cho nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hứa cho chúng Đại Bồ-tát bỏ bậc thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém cõi Dục mà không cho chúng Đại Bồ-tát sanh trời Trường thọ bỏ mất bản nguyện.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát rất là hiếm có, hay làm được việc khó làm, nghĩa là bỏ bậc thắng định vắng lặng an vui, trở lại thọ thân hèn kém ô uế. Ví như có người chưa lìa dục nhiễm, trông thấy người nữ quý phái ở trong rừng vắng, có hình dáng đoan trang xinh đẹp rất đáng yêu, mặc dù xem thấy đầy đủ các dáng dấp trên thân thể nhưng điều phục được tâm nên chẳng hành động buông lung. Về sau ở nơi khác trông thấy người nữ, hình dáng xấu xí, dơ dáy hèn hạ, lại sanh tham ái, liền hành động buông lung. Như vậy, chúng Đại Bồ-tát tuy thường an trụ bốn thứ tĩnh lự và bốn định vô sắc vắng lặng mâu nhiệm, nhưng có thể vứt bỏ tất cả để trở lại thọ thân hèn kém đủ thứ tạp uế cõi Dục, nên nói rất hiếm có, làm được việc khó làm.

Phật dạy:

- Nay Xá-lợi Tử! Đúng vậy, chúng Đại Bồ-tát bỏ bậc thắng địa, thọ thân cõi Dục, nên biết đó là phương tiện thiện xảo. Vì sao? Nay Xá-lợi Tử! Vì chúng Đại Bồ-tát này cần cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, xả thân thắng địa trở lại sanh cõi Dục, phát sanh ý tốt, phương tiện thiện xảo, dù quán tánh sắc uẩn thường, vô thường đều bất khả

đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn thường, vô thường cũng đều bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc uẩn vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh thọ, tướng, hành, thức uẩn vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xứ vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc xứ vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn giới vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh sắc giới vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp giới vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý thức giới viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn thức giới vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý thức giới vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhãn xúc vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc làm duyên sanh ra thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh địa giới vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên thường, vô thường đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra thường, vô thường cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên vui, không vui đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra vui, không vui cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên ngã, vô ngã đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra ngã, vô ngã cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên tịnh, bất tịnh đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra tịnh, bất tịnh cũng bất khả đắc, nhưng không lìa bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên Không, bất Không đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và

pháp từ duyên sanh ra Không, bất Không cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên tướng, vô tướng đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra tướng, vô tướng cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên nguyện, vô nguyện đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra nguyện, vô nguyện cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên viễn ly, không viễn ly đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra viễn ly, không viễn ly cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Dù quán tánh nhân duyên vắng lặng, không vắng lặng đều bất khả đắc và quán tánh đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và pháp từ duyên sanh ra vắng lặng, không vắng lặng cũng bất khả đắc, nhưng không lia bỏ trí nhất thiết trí.

Bây giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá-lợi Tử:

- Thưa Tôn giả! Vì lý do gì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho chúng Đại Bồ-tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc mà không cho chúng Đại Bồ-tát ở lâu trong ấy tâm sanh nhiễm trước?

Xá-lợi Tử đáp:

- Thưa Tôn giả! Không cho chúng Đại Bồ-tát sanh tâm nhiễm trước đối với bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và sanh trời Trường thọ; cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không cho chúng Đại Bồ-tát sanh tâm nhiễm trước bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc và ở lâu trong ấy. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì nếu sanh cõi Dục thì mau được viên mãn trí nhất thiết trí, còn sanh cõi Sắc, Vô sắc không có công dụng đây.

Mãn Từ Tử liền thưa Xá-lợi Tử!

- Thưa Tôn giả! Chúng Bồ-tát rất là hiếm có, làm được việc khó làm. Nghĩa là các Bồ-tát trụ thắng định rồi, trở lại xả bỏ để thọ pháp thấp kém. Ví như có người gặp kho tàng được chôn giấu, tay nắm ngọc báu lại vứt bỏ đi. Về sau, lúc thấy vỏ sò, người kia liền lượm lấy đem vào nhà. Cũng vậy, chúng Đại Bồ-tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, tùy ý dạo đi hay dừng nghỉ, sau vứt bỏ đi, trở lại sanh cõi Dục, tiếp nhận mọi thứ thấp kém của thân tâm, rồi nương vào đó để tu hành bồ thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô biên các pháp phần Bồ-đề.

Thấy được sự việc này, nên đức Phật cho chúng Đại Bồ-tát sanh trời Trường thọ, có thời gian lâu dài tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô biên các pháp phân Bồ-đề, do đây mau được trí nhất thiết trí.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con thừa với Thế Tôn như thế, há chẳng làm sáng tỏ được Phật là bậc thật ngữ, là bậc pháp ngữ, là bậc có khả năng đang nói pháp tùy pháp sao?

Phật dạy Mãn Từ Tử:

- Nay Mãn Từ Tử! Nay đối với Ta, ông nói lời như vậy thì chẳng phải đã làm sáng tỏ Như Lai là bậc thật ngữ, là bậc pháp ngữ, là bậc có khả năng đang nói pháp tùy pháp. Vì sao? Nay Mãn Từ Tử! Vì nếu các Bồ-tát sanh cõi trời Trường thọ, thì không thể tu hành công đức như thế được, không thể mau được trí nhất thiết trí.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu các Bồ-tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, thì các Bồ-tát này không có ý nghĩ như vậy: Do định này ta sanh cõi Sắc, Vô sắc. Cũng chẳng suy gẫm do tĩnh lự và định vô sắc ta vượt khỏi Sắc, Vô sắc.

Các Bồ-tát nhập bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc vắng lặng an vui, chỉ muốn phát khởi thần thông tự tại, làm nhiều lợi ích cho các hữu tình, cũng muốn điều phục thân tâm nặng nề, thô kệch để có thể tu đạt các công đức.

Chúng Đại Bồ-tát này nhập các thắng định vắng lặng an vui, dùng phương tiện thiện xảo thọ thân cõi Dục, đối với các thắng định cũng không lui mất. Vì vậy, chúng Đại Bồ-tát chẳng vượt ba cõi và cũng chẳng nhiễm trước, dùng phương tiện thiện xảo thọ thân cõi Dục, làm lợi ích cho hữu tình, gần gũi chư Phật, mau chứng đắc trí nhất thiết trí.

Khi ấy, Mãn Từ Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ trí nhất thiết trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã vượt khỏi ba cõi?

Phật dạy:

- Nay Mãn Từ Tử! Đúng vậy! Như lời ông nói. Như Lai đã được trí nhất thiết trí vượt khỏi ba cõi, không còn lệ thuộc ba cõi đó! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không cho chúng Đại Bồ-tát an trụ tĩnh lự Ba-la-mật-đa, ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn.

Mãn Từ Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quán nghĩa nào mà cho chúng Đại Bồ-tát cầu chứng quả vị Vô thượng

Chánh đẳng Bồ-đề, an trụ vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa, và chẳng cho chúng Đại Bồ-tát ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn?

Phật dạy Mãn Từ Tử:

- Nay Mãn Từ Tử! Nếu Đại Bồ-tát cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, an trụ tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nếu Như Lai hứa cho vượt khỏi ba cõi, thì họ liền thối lui thệ nguyện Bồ-tát, mà an trụ địa vị Thanh văn hay Độc giác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thấy sự việc như thế, nên hứa cho chúng Đại Bồ-tát cầu chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, an trụ vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa, mà không cho chúng Đại Bồ-tát ra khỏi pháp ba cõi hoàn toàn, không bỏ mất bản nguyện của Bồ-tát, để lui trụ địa vị Thanh văn hay Độc giác.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nếu khi chúng Đại Bồ-tát ngồi tòa Bồ-đề các hạnh viên mãn, thì lúc bấy giờ chúng Đại Bồ-tát mới nên rút ráo bỏ pháp ba cõi. Do đó chúng đặc trí nhất thiết trí. Vì vậy, nên Ta nói trí nhất thiết trí vượt khỏi ba cõi, không còn lệ thuộc ba cõi.

Nay Mãn Từ Tử! Nếu Đại Bồ-tát tùy chỗ sanh mà bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô biên các pháp phần Bồ-đề khác, và quán sát lý thú sâu xa, pháp nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, tán Không, vô biên dị Không, bản tính Không, tự tướng Không, cộng tướng Không, nhất thiết pháp Không, bất khả đắc Không, vô tính Không, tự tính Không, vô tính tự tính Không và chơn như v.v..., thì mỗi mỗi đều phát tâm không nhiễm trước, hồi hướng cầu đến trí nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy, Bồ-tát này bỏ dần pháp ba cõi để lần lượt gần gũi trí nhất thiết trí.

Quyển thứ 591

HẾT